HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/NQ-HĐND	*Nam Định, ngày 06 tháng 7 năm 2018*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NAM ĐỊNH
ĐẾN Số: 1501
Ngày: 12/07
Chuyển:

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND tỉnh ngày 06 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định, như sau:

1. Đối tượng thu phí

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

2. Đối tượng nộp phí

Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Mức thu phí

Chi tiết theo Phụ biểu đính kèm

4. Quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí được trích 90% (Chín mươi phần trăm) tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi phí thẩm định và phục vụ công tác thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; số còn lại 10% (Mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp phí được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XVIII kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 06 tháng 07 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ VHTTDL, Bộ Tài chính;
- Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website tỉnh; Website Chính phủ;
- Lưu: VT VPHĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Trần Văn Chung

PHỤ BIỂU

Mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

STT	Nội dung cấp	Mức thu (đồng/giấy chứng nhận)
I	**Cấp lần đầu giấy chứng nhận**	
1	Kinh doanh 01 môn thể thao	800.000
2	Kinh doanh 02 môn thể thao	1.200.000
3	Kinh doanh 03 môn thể thao	1.600.000
4	Kinh doanh từ 04 môn thể thao trở lên	2.000.000
II	**Cấp lại giấy chứng nhận**	
1	Do mất hoặc hư hỏng	100.000
2	Do thay đổi các nội dung: tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; điều chỉnh giảm danh mục hoạt động thể thao kinh doanh	200.000
3	Do bổ sung danh mục hoạt động thể thao kinh doanh: - Bổ sung tăng kinh doanh 01 môn thể thao. - Bổ sung tăng kinh doanh 02 môn thể thao. - Bổ sung tăng kinh doanh từ 03 môn thể thao trở lên.	 400.000 800.000 1.200.000